

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 23/6/2020  
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà PHẠM NGỌC GIÀU

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông NGUYỄN HOÀNG ĐỨC

2/ Ông NGUYỄN TIẾN DŨNG

**- Thư ký phiên tòa:** Bà LÊ THỊ HOÀNG YẾN - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh N tham gia phiên tòa:** Bà NGUYỄN THỊ BÍCH DU - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị NGUYỄN THỊ BÉ U, sinh năm 1987 - (có mặt)

Địa chỉ: Ô 5/4, ấp L, xã Trường Đ, thị xã H, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Anh ĐỖ NHỰT T, sinh năm 1982 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Ô 2/14 B, ấp L, xã Trường Đ, thị xã H, tỉnh N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé U trình bày như sau:***

Về hôn nhân: Chị U và anh Đỗ Nhật T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Đ, thị xã H, tỉnh N. Trong thời gian chung sống do không phù hợp tính tình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, chị đã trả nợ cho anh T nhiều lần, ngoài ra chị và gia đình bên chồng có nhiều mâu thuẫn, chị U và anh T không còn sống chung khoảng gần 07 tháng nay. Theo chị tình cảm vợ chồng không

còn nữa, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị U yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Nhật T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Thị Kim P, sinh ngày 13/8/2007 và Đỗ Nhật L, sinh ngày 05/5/2012, hiện đang sống với chị U. Khi ly hôn chị U yêu cầu nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị U trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị U trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Theo biên bản hòa giải ngày 21 tháng 5 năm 2020 bị đơn anh Đỗ Nhật T trình bày:***

Anh T thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị U về hôn nhân, về thời gian vợ chồng chung sống về con chung là đúng. Anh và chị U chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau về vấn đề tiền bạc, anh buôn bán thua lỗ không có tiền đưa cho vợ và có mắc nợ nhưng chị U không tin tưởng cho rằng anh ăn chơi, cờ bạc không chăm lo cho gia đình nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, chị U đã bỏ đi khoảng 05 tháng nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, không có mâu thuẫn gì lớn, ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các con nên anh T không đồng ý ly hôn với chị U.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đỗ Thị Kim P, sinh ngày 13/8/2007 và Đỗ Nhật L, sinh ngày 05/5/2012. Trường hợp ly hôn anh T đồng ý giao cả 02 con chung cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa, chị U vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Nhật T do thời gian sống chung phát sinh rất nhiều mâu thuẫn, anh T cờ bạc và thường xuyên kiếm chuyện chửi mắng xúc phạm chị và gia đình bên chị, do đó chị U cương quyết ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.***

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị U; giao 02 con chung cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị U không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết; tính án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Anh Đỗ Nhật T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà số Ô2 2/14 B, ấp L, xã Trường Đ, thị xã H, tỉnh N nên Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh N thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về tố tụng:** Anh Đỗ Nhật T là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo qui định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Bé U và anh Đỗ Nhật T tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, không phù hợp tính tình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh T cờ bạc không lo làm ăn chị U đã cho anh T cơ hội sửa đổi, nhưng sau đó anh T vẫn không thay đổi, anh chị đã sống ly thân 07 tháng nay, anh T có làm cam kết nhưng anh chị vẫn không hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị U yêu cầu ly hôn đối với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[4] **Về con chung:** Anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, xét thấy phù hợp với nguyện vọng của các cháu và điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị U, chị U không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên ghi nhận.

[5] **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị U và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H là có cơ sở chấp nhận.**

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

**1.** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé U đối với anh Đỗ Nhật T. Chị U và anh T không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau.

- Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Bé U trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng 02 con chung tên Đỗ Thị Kim P, sinh ngày 13/8/2007 và Đỗ Nhật L, sinh ngày 05/5/2012. Ghi nhận chị U không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị U và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị U đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008544 ngày 25 tháng 2 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh N, chị U đã nộp xong án phí.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Báo cho chị U biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh N để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- **UBND xã Trường Đ;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP-(G).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**